

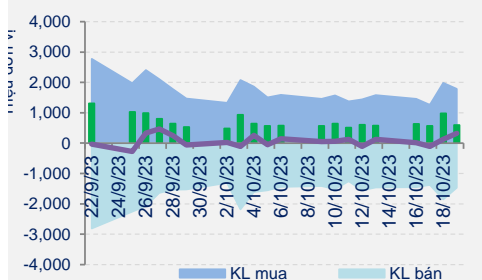
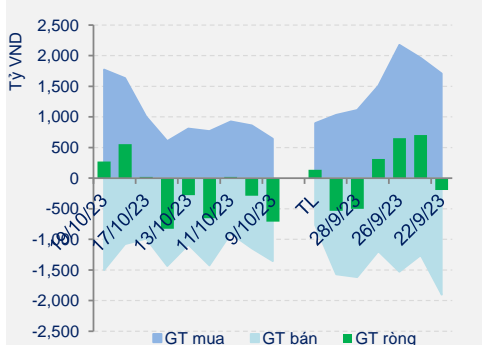
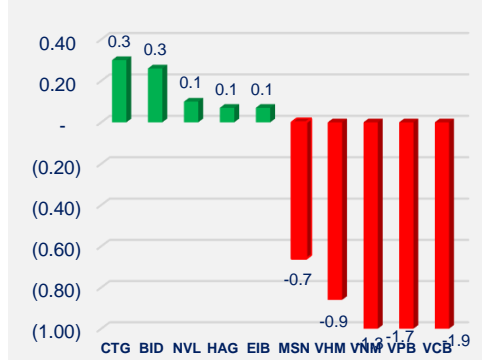
MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 19/10/2023

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,087.85	223.45
% Thay đổi	↓ -1.41%	↓ -1.61%
KLGD (CP)	598,800,545	83,177,016
GTGD (tỷ đồng)	13,690.76	1,552.57
Tổng cung (CP)	1,467,808,806	112,315,900
Tổng cầu (CP)	1,790,264,517	120,264,600

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	39,440,624	312,695
KL mua (CP)	49,482,818	657,764
GT mua (tỷ đồng)	1,774.27	21.89
GT bán (tỷ đồng)	1,502.05	4.90
GT ròng (tỷ đồng)	272.22	16.99

Tương quan cung cầu HOSE

Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE

Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX


Sau khi phục hồi nhẹ cuối phiên trước, VN-INDEX trong phiên giao dịch hôm nay tiếp tục giảm điểm với lực bán gia tăng mạnh hơn trong phiên chiều, nhiều cổ phiếu, nhóm cổ phiếu bị bán mạnh khi áp lực chốt lỗ của các vị thế ngắn hạn gia tăng, tuy nhiên mức độ đã dần phân hóa hơn khi khối lượng giao dịch VN-INDEX giảm. Kết phiên VN-INDEX giảm 15,55 điểm (-1,41%) về mức 1.087,85 điểm, dưới đường giá trung bình MA200 phiên tạo tâm lý tiêu cực. HNX-INDEX giảm mạnh hơn 3,66 điểm (-1,61%) về mức 223,45 điểm. Độ rộng trên 02 sàn niêm yết tiêu cực với áp lực bán áp đảo khi có 482 mã giảm giá (26 mã giảm sàn), mức độ hồi phục tăng với 208 mã tăng giá (03 mã tăng trần) và 94 mã giữ giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn đạt 15.243,34 tỉ đồng được giao dịch, giảm 37,59% so với phiên trước, dưới mức trung bình. Cho thấy áp lực bán ngắn hạn đã suy giảm và mức độ phục hồi vẫn kém ở nhiều mã. Nhà đầu tư nước ngoài gia tăng giao dịch khi thị trường giảm mạnh, mua ròng phiên thứ 03 liên tiếp với giá trị 272,22 tỷ đồng trên HOSE; mua ròng trên HNX với giá trị 16,99 tỷ đồng.

"Chính sách tiền tệ, tín dụng không thể nào hạ chuẩn được". Chủ tịch Quốc hội nói trong phiên họp ngày 16-10-2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến về tình hình kinh tế – xã hội năm 2023 và dự kiến kế hoạch năm 2024; Hôm nay (19/10/2023) là ngày đáo hạn của lô tín phiếu đầu tiên trong đợt phát hành bắt đầu từ giữa tháng 9. Theo đó, với kỳ hạn 28 ngày, 9.995 tỷ đồng được của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) rút ra khỏi hệ thống qua kênh tín phiếu vào phiên 21/9 sẽ được bơm trả. Trường hợp NHNN không phát hành tín phiếu mới, hệ thống ngân hàng sẽ được bơm rộng số tiền tương ứng và thanh khoản các nhà băng sẽ trở nên dồi dào hơn.

Thị trường tiếp tục chịu áp lực bán luân phiên, với diễn biến tiêu cực nhất ở nhóm cổ phiếu dịch vụ tài chính, chứng khoán với rất nhiều mã giảm hết biên độ sau áp lực bán mạnh cuối phiên, thanh khoản gia tăng kém tích cực với FTS (-6,99%), VCI (-6,93%), CTS (-6,90%), AGR (-6,69%), BSI (-6,32%)....

Nhóm cổ phiếu ngân hàng, VN30 cũng có diễn biến tiêu cực khi VN30 giảm không giữ được vùng giá thấp nhất ngày 04/10/2023, nhiều mã chịu áp lực bán mạnh, thanh khoản gia tăng kém tích cực như VPB (-4,67%), MWG (-3,80%), VNM (-3,38%), MSN (-2,78%), STB (-2,36%), TCB (-1,92%)....

Trong khi đó các cổ phiếu bất động sản sau diễn biến tiêu cực, chịu áp lực bán mạnh phiên trước, đã phân hóa, một số mã phục hồi trở lại với thanh khoản thấp như NDN (+6,19%), NBB (+5,94%), SJS (+1,99%), HDC (+1,60%).... trong khi nhiều mã vẫn tiếp tục chịu áp lực bán mạnh như DIG (-6,39%), NHA (-5,23%), DRH (-4,18%), IJC (-3,00%)... Các cổ phiếu xây dựng, vật liệu xây dựng cũng có diễn biến tương tự với số ít mã phục hồi như FCN (+3,08%), C69 (+1,33%), CII (+1,00%).... nhưng đa số vẫn chịu áp lực bán mạnh với LCG (-6,25%), C4G (-5,88%), TV2 (-5,43%), PC1 (-5,21%)...

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2310 đã đáo hạn, thị trường chuyển sang giao dịch trên kỳ hạn chính VN30F2311. VN30F2311 kết phiên giảm 21 điểm (-1,88%), mức chênh lệch âm -5,89 điểm so với VN30 Các kỳ hạn lớn hơn VN30F2312, VN30F2403 chênh lệch âm từ -5,09 điểm đến -5,89 điểm, mức chênh lệch giữa các kỳ hạn thu hẹp và đảo ngược, cho thấy các trader vẫn kém lạc quan với VN30, nhưng kỳ vọng sẽ phục hồi ở quanh vùng giá 1.100 điểm.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG


Đà giảm của VnIndex vẫn chưa kết thúc khi thị trường tiếp tục giảm điểm phiên thứ 4 liên tiếp. Chốt phiên giao dịch VnIndex giảm -15,55 điểm (-1,41%) và đóng cửa ở 1.087,85 điểm. Trong ngắn hạn Vn-Index đã diễn biến theo kịch bản xấu khi đánh mất ngưỡng hỗ trợ 1.100 điểm và giảm thấp hơn đáy của đợt điều chỉnh thời điểm đầu tháng 10 qua đó khiến cho khả năng hình thành nhịp hồi theo đáy W là khá thấp (vẫn có thể xảy ra nếu VnIndex hồi phục sớm trong các phiên tới). Ngưỡng cản ngắn hạn của VN-Index là vùng 1.100 điểm và ngưỡng hỗ trợ gần nhất quanh vùng 1.070 điểm.

Về góc nhìn trung hạn, thị trường vẫn đang vận động để tiến tới vùng cân bằng mới và tích lũy lại. Dù liên tục đánh mất các ngưỡng hỗ trợ và biến động với biên độ lớn trong thời gian qua, nhưng với nền tảng gốc tích lũy của uptrend vừa qua là khá tốt, chúng tôi kỳ vọng vùng hình thành nền mới trong trường hợp tích cực là 1.100 điểm - 1.250 điểm. Tuy nhiên trong kịch bản kém hơn VN-Index có thể quay trở lại khu vực nền tích lũy trước đây tại 1.000 điểm - 1.100 điểm.

Giai đoạn hiện tại rủi ro ngắn hạn là khá cao bởi thị trường có nguy cơ không test đáy thành công và các nhịp hồi kỹ thuật nếu xảy ra cũng thường kết thúc bất ngờ khó dự báo. Nhà đầu tư ngắn hạn nên hạ tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục xuống mức thấp và thận trọng quan sát diễn biến thị trường. Nhà đầu tư trung, dài hạn tiếp tục nắm giữ danh mục chờ thị trường tích lũy ổn định trở lại.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 19/10/2023

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
PVP	14.40	13-14	17.5-18.2	12	7.9	75.4%	-68.3%	Theo dõi chờ giải ngân
PHR	46.80	46-48	57-59	43	7.1	-13.4%	-0.3%	Theo dõi chờ giải ngân
MBS	19.80	18.5-20	24-25	17.5	17.9	25.4%	37.2%	Theo dõi chờ giải ngân
KBC	29.35	28-29.5	34-35	27	6.7	491.3%	368.1%	Theo dõi chờ giải ngân
DPM	35.70	38-38.7	44-46	35	5.6	-26.1%	-92.4%	Theo dõi chờ giải ngân
PLC	29.60	26-28	31-32	25	21.9	-11.0%	-34.4%	Theo dõi chờ giải ngân
CSV	40.50	36-38	45-46	33	7.0	-36.3%	-56.2%	Theo dõi chờ giải ngân
NT2	22.90	20.5-21.5	26-27	19	15.9	-62.4%	-162.2%	Theo dõi chờ giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
19/5/23	DPR	33.4	25.9	35-37	33	29.0%	Giữ 1/2 cổ phiếu chia 1:1
2/8/23	VNM	71.4	72.95	87-89	72	-2.1%	Bán
28/9/23	BSR	20.2	21.7	26-28	20	-6.7%	Nắm giữ
6/10/23	VHM	42.5	45	61-63	43	-5.6%	Nắm giữ
13/10/23	PVP	14.4	14.85	18.2-19	14.5	-3.0%	Nắm giữ



TIN VĨ MÔ

Quan chức Fed phát tín hiệu tạm dừng tăng lãi suất

Các nhà hoạch định chính sách tiền tệ của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) đang phát tín hiệu tạm dừng việc tăng lãi suất trong hai tháng tới để chờ một xu hướng nhất quán hơn trong các dữ liệu kinh tế. Ở thời điểm hiện tại, nền kinh tế Mỹ đang phát đi những tín hiệu xung đột, khiến Fed “không biết đường nào mà lần”: các số liệu về tăng trưởng và việc làm vẫn mạnh, trong khi lạm phát đã giảm nhiều so với mức đỉnh thiết lập vào năm ngoái, và đà tăng của lãi suất dài hạn có vẻ đang giúp Fed làm bớt công việc thắt chặt.

Xuất nhập khẩu hàng hoá chính thức vượt mốc 500 tỷ USD

Theo số liệu mới nhất của Tổng cục Hải quan, đến trung tuần tháng 10, kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hoá cả nước đạt xấp xỉ 523 tỷ USD. Cụ thể, từ 1-15/10, xuất khẩu cả nước đạt 14,2 tỷ USD. Trong các nhóm hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam, có 4 nhóm đạt kim ngạch từ 1 tỷ USD trong nửa đầu tháng 10. Dẫn đầu là điện thoại và linh kiện với 2,55 tỷ USD, qua đó nâng kim ngạch từ đầu năm đến 15/10 lên 41,47 tỷ USD. Tiếp theo là máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện; máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng; dệt may... Lũy kế từ đầu năm đến 15/10, kim ngạch xuất khẩu cả nước đạt 272,74 tỷ USD, giảm hơn 24 tỷ USD so với cùng kỳ năm ngoái.

Quy mô khủng tuyến đường sắt nối Việt Nam-Trung Quốc: 441km, 56 cầu vượt, 11 hầm, tốc độ 160km/h

Hiện đã có 2 tập đoàn lớn của Trung Quốc muốn tham gia xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh. Cục Đường sắt Việt Nam đang lấy ý kiến báo cáo đầu kỳ quy hoạch tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh do một liên danh tư vấn trong nước lập. Tuyến đường sắt có điểm đầu kết nối đường sắt Hà Khẩu (Trung Quốc) tại Lào Cai, đi theo hướng Đông qua các tỉnh, thành Yên Bái, Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Hà Nội, Hưng Yên, Hải Dương, Hải Phòng và kết thúc tại cảng Cái Lân (Quảng Ninh).

Gần 10.000 tỷ đồng của lô chào bán tín phiếu đầu tiên đáo hạn

Hôm nay (19/10), lô tín phiếu 9.995 tỷ đồng kỳ hạn 28 ngày, lãi suất ở mức 0,69%/năm do Ngân hàng Nhà nước phát hành ngày 21/9 đã đáo hạn. Từ 21/9 đến nay, Ngân hàng Nhà nước đã phát hành 20 đợt tín phiếu liên tiếp có kỳ hạn 28 ngày. Tổng quy mô gần 255.700 tỷ đồng. Điều này cũng có nghĩa từ phiên hôm nay trở đi, số tín phiếu đã được phát hành trong 20 phiên vừa qua sẽ lần lượt được đáo hạn, số tiền tương ứng cũng sẽ được bơm lại thị trường. Đáng chú ý, sát ngày những lô tín phiếu đầu tiên đáo hạn, Ngân hàng Nhà nước đã có động thái tăng cường độ hút tiền. Nếu như 9 phiên giao dịch đầu tháng Mười đều ghi nhận quy mô hút tiền không quá 10.000 tỷ đồng/phiên thì từ ngày 12-16/10, Ngân hàng Nhà nước đã nâng lên 20.000 tỷ đồng/phiên.



TIN DOANH NGHIỆP

Quý III/2023, SSI lãi trước thuế hơn 880 tỷ đồng, dư nợ margin gần 15.000 tỷ đồng

Theo báo cáo tài chính hợp nhất quý III/2023, Chứng khoán SSI đạt 1.972 tỷ đồng doanh thu và 880 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, lần lượt tăng 44% và 112% so với cùng kỳ. Lũy kế 9 tháng, SSI đạt doanh thu 5.188 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế hợp nhất 2.204 tỷ đồng, tăng 21% và hoàn thành 87% kế hoạch cả năm. Tại thời điểm 30/9/2023, tổng tài sản của SSI đạt 55.282 tỷ đồng, tăng hơn 3.000 tỷ đồng so với đầu năm. Trong đó, dư nợ cho vay đạt 15.269 tỷ đồng, riêng cho vay margin đạt hơn 14.713 tỷ đồng, tăng thêm hơn 1.600 tỷ đồng so với thời điểm cuối quý 2/2023.

Thủy văn không thuận lợi, Thủy điện Thác Bà (TBC) báo lãi quý III/2023 giảm đến 78%

CTCP Thủy điện Thác Bà (mã chứng khoán TBC - sàn HOSE) mới công bố BCTC quý III và kết quả 9 tháng đầu năm 2023. Trong quý III/2023, tình hình thủy văn không thuận lợi so với quý III/2022, dẫn đến sản lượng điện thương phẩm trong quý III giảm so với cùng kỳ năm 2022 là 1,4 triệu kWh, dẫn đến doanh thu thuần chỉ đạt 82 tỷ đồng, giảm 57% so với cùng kỳ năm trước. Kết quả, lợi nhuận sau thuế của Thủy điện Thác Bà rơi đến 78% so với quý III/2022, chỉ còn hơn 23 tỷ đồng. Tính chung 9 tháng đầu năm, doanh thu thuần của TBC đạt 321,5 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 130,6 tỷ đồng, lần lượt giảm hơn 40% và 55,7% so với cùng kỳ năm 2022.

Trong quý III, Supe Lâm Thao (LAS) báo lãi gấp 3 lần cùng kỳ

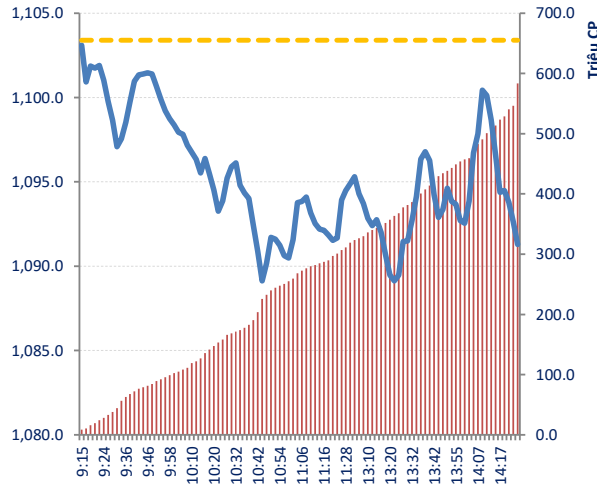
CTCP Supe Phốt phát và Hoá chất Lâm Thao (mã chứng khoán LAS – sàn HNX) mới công bố BCTC quý III và lũy kế 9 tháng năm 2023 với doanh thu và lợi nhuận đều có tăng trưởng mạnh. Theo LAS, trong quý III, LAS ghi nhận doanh thu thuần đạt 811 tỷ đồng, tăng 35% so với cùng kỳ năm ngoái. Giá vốn cũng tăng 31%, lên 699 tỷ đồng nên lợi nhuận gộp doanh nghiệp đạt 112 tỷ đồng, tăng 68% so với cùng kỳ. Biên lợi nhuận gộp được cải thiện từ 11,2% lên 13,8%. Kết quả, Công ty báo lãi sau thuế 29 tỷ đồng, gấp 3 lần cùng kỳ quý III/2022. Lũy kế 9 tháng năm 2023, doanh nghiệp ghi nhận doanh thu thuần đạt 2.891 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 94 tỷ đồng, lần lượt tăng trưởng 19% và 40% so với cùng kỳ năm trước.

KIS báo lãi quý 3 gấp 6 lần cùng kỳ

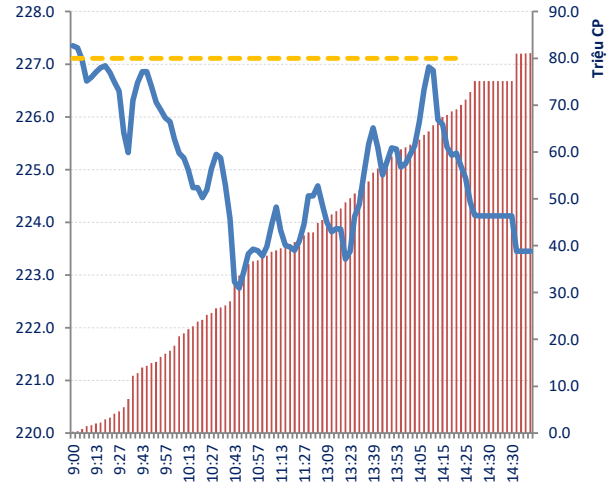
CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam (KIS) vừa công bố báo cáo tài chính quý 3 với kết quả lợi nhuận tăng mạnh. Quý 3/2023, các mảng kinh doanh chính của KIS đều tích cực so với cùng kỳ. Doanh thu hoạt động của Công ty tăng 44% so với cùng kỳ, đạt hơn 787 tỷ đồng. Doanh thu môi giới tăng hơn 80%, đạt gần 137 tỷ đồng. Lãi cho vay và phải thu đạt mức tăng 40%. Lũy kế 9 tháng đầu năm, doanh thu hoạt động của Công ty đạt 1,653 tỷ đồng, giảm 16% so với cùng kỳ. Tuy vậy, do chi phí hoạt động giảm mạnh, lãi ròng kỳ này vẫn ghi nhận mức tăng hơn 160% so với cùng kỳ, đạt 328.3 tỷ đồng.



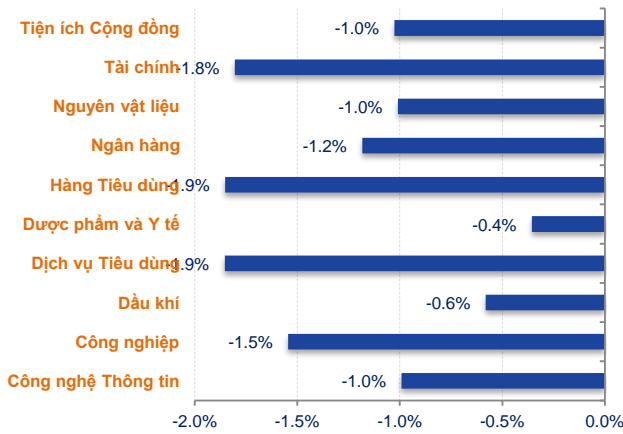
KLGD và VN-Index trong phiên



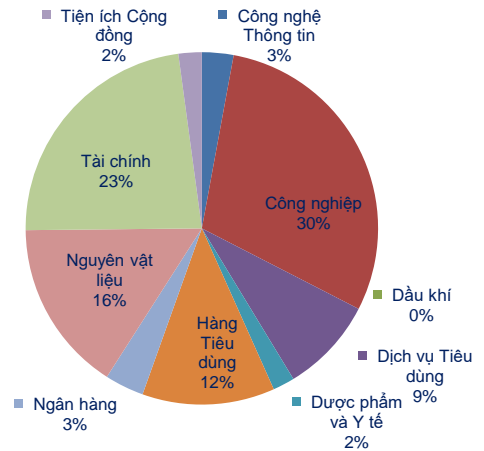
KLGD và HNX-Index trong phiên



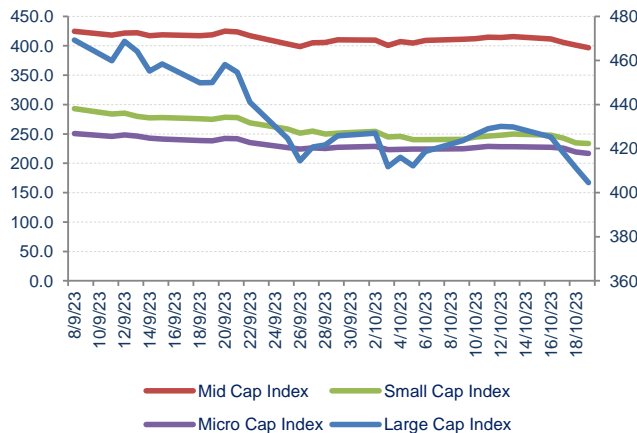
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



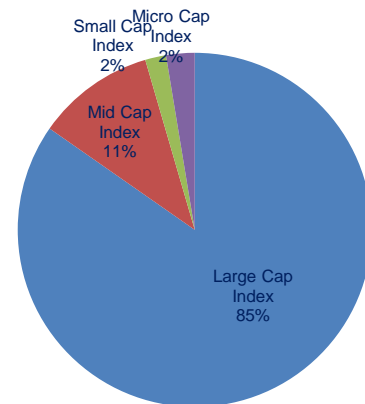
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	STB	2,348,100	FUESSVFL	1,896,700	1	IDC	304,000	TNG	68,416
2	HPG	2,156,795	VCI	1,864,400	2	HUT	56,520	PVC	51,000
3	PDR	1,587,800	VND	1,249,800	3	TIG	53,500	NVB	50,000
4	DXG	1,255,600	SSI	1,146,831	4	BVS	46,300	VIG	17,900
5	PVD	1,141,200	VHM	1,059,410	5	MST	19,900	CET	12,600

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SSI	31.55	30.10	↓ -4.60%	28,868,500	SHS	16.50	15.80	↓ -4.24%	23,539,679
VND	20.15	19.15	↓ -4.96%	23,735,900	CEO	18.20	18.20	→ 0.00%	8,983,183
VIX	14.85	14.40	↓ -3.03%	23,731,900	PVS	38.50	37.60	↓ -2.34%	6,772,143
DIG	20.35	19.05	↓ -6.39%	23,671,600	HUT	21.80	20.50	↓ -5.96%	4,645,454
STB	29.70	29.00	↓ -2.36%	22,421,706	IDC	51.00	48.50	↓ -4.90%	4,059,680

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TLD	5.20	5.56	0.36	↑ 6.92%	VE4	262.00	288.20	26.20	↑ 10.00%
VFG	36.20	38.50	2.30	↑ 6.35%	TOT	14.30	15.70	1.40	↑ 9.79%
FUCVREIT	7.00	7.44	0.44	↑ 6.29%	VC6	11.30	12.40	1.10	↑ 9.73%
ADG	25.20	26.75	1.55	↑ 6.15%	BTW	37.60	41.20	3.60	↑ 9.57%
CCI	22.55	23.90	1.35	↑ 5.99%	LBE	15.90	17.40	1.50	↑ 9.43%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VPG	16.45	15.30	-1.15	↓ -6.99%	PPY	10.00	9.00	-1.00	↓ -10.00%
FTS	41.50	38.60	-2.90	↓ -6.99%	KTS	35.00	31.50	-3.50	↓ -10.00%
TDW	49.05	45.65	-3.40	↓ -6.93%	PTD	8.20	7.40	-0.80	↓ -9.76%
VCI	37.50	34.90	-2.60	↓ -6.93%	DAE	17.90	16.20	-1.70	↓ -9.50%
LAF	13.00	12.10	-0.90	↓ -6.92%	PSW	11.60	10.50	-1.10	↓ -9.48%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	28,868,500	7.3%	1,093	28.9	2.2
VND	23,735,900	3.9%	467	43.2	1.6
VIX	23,731,900	7.0%	839	17.7	1.2
DIG	23,671,600	1.2%	152	133.7	1.6
STB	22,421,706	17.2%	3,601	8.2	1.3

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	23,539,679	4.3%	507	32.5	1.4
CEO	8,983,183	7.7%	887	20.5	1.2
PVS	6,772,143	7.2%	1,953	19.7	1.4
HUT	4,645,454	1.3%	120	182.1	2.0
IDC	4,059,680	20.7%	3,969	12.8	2.7

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
TLD	↑ 6.9%	0.9%	94	55.2	0.5
VFG	↑ 6.4%	21.3%	5,860	6.2	1.3
FUCVREIT	↑ 6.3%	N/A	N/A	N/A	N/A
ADG	↑ 6.2%	10.6%	1,536	16.4	1.8
CCI	↑ 6.0%	13.1%	1,964	11.5	1.5

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VE4	↑ 10.0%	-24.3%	(3,123)	-	22.0
TOT	↑ 9.8%	33.9%	4,084	3.5	1.0
VC6	↑ 9.7%	8.1%	1,197	9.4	0.8
BTW	↑ 9.6%	18.6%	5,066	7.4	1.4
LBE	↑ 9.4%	7.1%	815	19.5	1.3

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	2,348,100	17.2%	3,601	8.2	1.3
HPG	2,156,795	-2.0%	(328)	-	1.4
PDR	1,587,800	8.2%	1,118	20.6	1.8
DXG	1,255,600	-1.4%	(317)	-	0.7
PVD	1,141,200	1.8%	448	62.0	1.1

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	304,000	20.7%	3,969	12.8	2.7
HUT	56,520	1.3%	120	182.1	2.0
TIG	53,500	7.6%	1,091	9.6	0.7
BVS	46,300	8.3%	2,576	9.4	0.8
MST	19,900	8.1%	914	5.1	0.4

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	480,103	23.0%	5,797	14.8	2.7
BID	202,341	19.0%	4,025	9.9	1.8
GAS	190,629	20.3%	5,567	14.9	2.4
VHM	188,544	29.1%	10,341	4.2	1.1
VIC	167,050	3.9%	1,395	31.4	1.2

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
HUT	19,457	1.3%	120	182.1	2.0
PVS	18,402	7.2%	1,953	19.7	1.4
IDC	16,830	20.7%	3,969	12.8	2.7
THD	13,667	2.9%	458	77.5	2.1
SHS	13,417	4.3%	507	32.5	1.4

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
QCG	4.42	-0.4%	(63)	-	0.6
EVG	3.54	1.3%	157	30.1	0.4
VPH	3.26	0.4%	39	183.6	0.7
NVL	2.88	-1.3%	(295)	-	0.6
HTN	2.86	-1.0%	(175)	-	0.9

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VC7	3.17	6.2%	682	28.1	1.7
VC2	3.10	3.9%	552	17.8	0.7
SDA	2.74	-0.3%	(21)	-	0.7
MST	2.73	8.1%	914	5.1	0.4
AAV	2.69	-1.4%	(169)	-	0.4



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn